Trường Đại Học Mở TP.HCM
Ban Trung Cấp Chuyên Nghiệp

Bảng Điểm Môn Học

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn học: Kỹ năng thương lượng (BADM2315T)

Lớp: QT11C3

STT	Mã SV	Họ và Tên		Điểm hệ số 1	Điểm hệ số 2	Thi L1	Thi L2	Điểm T.Kết	Ghi chú
				1	2				
1	1100600008	Nguyễn Tuấn	**Anh**	8.0	8.0	0.0		**4.0**	
2	1000600024	Hà Thị Như	**Băng**	10.0	0.0	6.0	8.0	**5.7**	
3	1100600026	Nguyễn Thị Mỹ	**Chi**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
4	1100600079	Phạm Trung	**Hậu**	10.0	5.0	0.0	8.0	**7.4**	
5	1100600087	Nguyễn Văn	**Hiệp**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
6	1100600089	Hồ Trung	**Hiếu**	8.0	7.0	0.0	0.0	**3.7**	
7	1100600090	Lê Chí	**Hiếu**	0.0	5.0	6.0	6.0	**4.7**	
8	1100600112	Đoàn Thị Kim	**Hương**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
9	1100600143	Đào Trung	**Kiên**	0.0	0.0	7.0	0.0	**3.5**	
10	1100600160	Nguyễn Chí	**Liêm**	8.0	0.0	5.0	3.0	**3.9**	
11	1100600193	Phan Thị Kim	**Mi**	7.0	0.0	0.0	0.0	**1.2**	
12	1100600215	Nguyễn Trọng	**Nghĩa**	7.0	8.0	0.0	7.0	**7.4**	
13	1100600226	Nguyễn Thị Như	**Nguyệt**	6.0	0.0	6.0	7.0	**4.5**	
14	1100600248	Trương Hoài	**Phú**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
15	1100600288	Lương Thị Thanh	**Tâm**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
16	1100600292	Lý Hải Hồng	**Tân**	8.0	6.0	0.0	0.0	**3.4**	
17	1100600320	Huỳnh Văn	**Thịnh**	10.0	6.0	0.0	5.0	**6.2**	
18	1100600334	Trần Thị Thanh	**Thúy**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
19	1100600338	Lê Hùng	**Tiến**	0.0	0.0	6.0	0.0	**3.0**	
20	1100600340	Phạm Ngọc	**Tiến**	9.0	8.0	0.0	7.0	**7.7**	
21	1100600364	Đỗ Trọng Phương	**Trinh**	7.0	0.0	0.0		**1.2**	
22	1100600390	Phan Công	**Tùng**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	

In Ngày 06/05/13

Tp. HCM, Ngày 06 tháng 05 năm 2013
Người lập biểu

Ghi chú: Điểm hệ số 1: Điểm chuyên cần; Điểm hệ số 2: Kiểm tra giữa kỳ; Thi L1: Điểm thi lần 1

Trường Đại Học Mở TP.HCM
Ban Trung Cấp Chuyên Nghiệp

Bảng Điểm Môn Học

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn học: Hành vi khách hàng (BADM2316T)

Lớp: QT11C3

STT	Mã SV	Họ và Tên		Điểm hệ số 1	Điểm hệ số 2	Thi L1	Thi L2	Điểm T.Kết	Ghi chú
				1	2				
1	1000600001	Bùi Thị Thúy	**An**	5.0	5.0	0.0	0.0	**2.5**	
2	1100600008	Nguyễn Tuấn	**Anh**	5.0	5.0	0.0		**2.5**	
3	1100600026	Nguyễn Thị Mỹ	**Chi**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
4	1100600079	Phạm Trung	**Hậu**	6.0	6.0	0.0	6.0	**6.0**	
5	1100600087	Nguyễn Văn	**Hiệp**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
6	1100600090	Lê Chí	**Hiếu**	5.0	5.0	4.0	3.0	**4.5**	
7	1100600091	Nguyễn Đức	**Hiếu**	5.0	5.0	4.0	0.0	**4.5**	
8	1100600112	Đoàn Thị Kim	**Hương**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
9	1100600160	Nguyễn Chí	**Liêm**	5.0	5.0	3.0	5.0	**5.0**	
10	1100600163	Chu Mạnh	**Linh**	4.0	4.0	5.0	6.0	**5.0**	
11	1100600193	Phan Thị Kim	**Mi**	3.0	3.0	0.0	0.0	**1.5**	
12	1100600215	Nguyễn Trọng	**Nghĩa**	4.0	4.0	4.0	5.0	**4.5**	
13	1100600248	Trương Hoài	**Phú**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
14	1100600263	Huỳnh Tấn	**Quân**	5.0	5.0	3.0	5.0	**5.0**	
15	1100600275	Nguyễn Quốc	**Quyền**	5.0	5.0	3.0	0.0	**4.0**	
16	1100600288	Lương Thị Thanh	**Tâm**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
17	1100600292	Lý Hải Hồng	**Tân**	5.0	5.0	4.0	0.0	**4.5**	
18	1100600295	Trần Quốc	**Thái**	3.0	3.0	3.0	0.0	**3.0**	
19	1100600334	Trần Thị Thanh	**Thúy**	3.0	3.0	0.0	0.0	**1.5**	
20	1000600419	Phạm Thị Minh	**Thư**	0.0	0.0	5.0	6.0	**3.0**	
21	1100600338	Lê Hùng	**Tiến**	2.0	2.0	7.0	0.0	**4.5**	
22	1100600364	Đỗ Trọng Phương	**Trinh**	3.0	3.0	0.0		**1.5**	
23	1100600390	Phan Công	**Tùng**	4.0	4.0	0.0		**2.0**	
24	1100600400	Trần Đặng Quang	**Vinh**	5.0	5.0	4.0	5.0	**5.0**	

In Ngày 06/05/13

Tp. HCM, Ngày 06 tháng 05 năm 2013
Người lập biểu

Ghi chú: Điểm hệ số 1: Điểm chuyên cần; Điểm hệ số 2: Kiểm tra giữa kỳ; Thi L1: Điểm thi lần 1

Trường Đại Học Mở TP.HCM
Ban Trung Cấp Chuyên Nghiệp

Bảng Điểm Môn Học

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn học: Nghiệp vụ bán hàng 2 (BADM2319T)

Lớp: QT11C3

STT	Mã SV	Họ và Tên		Điểm hệ số 1	Điểm hệ số 2	Thi L1	Thi L2	Điểm T.Kết	Ghi chú
				1	2				
1	1100600008	Nguyễn Tuấn	**Anh**	6.0	0.0	0.0		**1.0**	
2	1100600026	Nguyễn Thị Mỹ	**Chi**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
3	1100600074	Nguyễn Thị Thu	**Hằng**	1.0	0.0	5.0	0.0	**2.7**	
4	1100600079	Phạm Trung	**Hậu**	4.0	2.0	0.0	4.0	**3.4**	
5	1100600087	Nguyễn Văn	**Hiệp**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
6	1100600089	Hồ Trung	**Hiếu**	7.0	2.0	6.0	0.0	**4.9**	
7	1100600090	Lê Chí	**Hiếu**	8.0	6.0	0.0	7.0	**6.9**	
8	1100600112	Đoàn Thị Kim	**Hương**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
9	1100600143	Đào Trung	**Kiên**	3.0	1.0	8.0	0.0	**4.9**	
10	1100600160	Nguyễn Chí	**Liêm**	0.0	0.0	4.0	0.0	**2.0**	
11	1100600163	Chu Mạnh	**Linh**	3.0	5.0	5.0	9.0	**6.7**	
12	1100600193	Phan Thị Kim	**Mi**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
13	1100600248	Trương Hoài	**Phú**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
14	1100600288	Lương Thị Thanh	**Tâm**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
15	1100600292	Lý Hải Hồng	**Tân**	5.0	3.0	0.0	0.0	**1.9**	
16	1100600326	Nguyễn Hữu	**Thông**	8.0	6.0	3.0	5.0	**5.9**	
17	1100600334	Trần Thị Thanh	**Thúy**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
18	1100600338	Lê Hùng	**Tiến**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
19	1100600340	Phạm Ngọc	**Tiến**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
20	1100600364	Đỗ Trọng Phương	**Trinh**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
21	1100600390	Phan Công	**Tùng**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
22	1100600400	Trần Đặng Quang	**Vinh**	4.0	6.0	3.0	4.0	**4.7**	

In Ngày 06/05/13

Tp. HCM, Ngày 06 tháng 05 năm 2013
Người lập biểu

Ghi chú: Điểm hệ số 1: Điểm chuyên cần; Điểm hệ số 2: Kiểm tra giữa kỳ; Thi L1: Điểm thi lần 1

Trường Đại Học Mở TP.HCM
Ban Trung Cấp Chuyên Nghiệp

Bảng Điểm Môn Học

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn học: Quản trị dịch vụ (BADM2420T)

Lớp: QT11C3

STT	Mã SV	Họ và Tên		Điểm hệ số 1	Điểm hệ số 2	Thi L1	Thi L2	Điểm T.Kết	Ghi chú
				1	2				
1	1000600001	Bùi Thị Thúy	**An**	0.0	0.0	3.0	0.0	**1.5**	
2	1100600008	Nguyễn Tuấn	**Anh**	8.0	7.0	0.0		**3.7**	
3	1100600026	Nguyễn Thị Mỹ	**Chi**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
4	1100600079	Phạm Trung	**Hậu**	8.0	7.0	0.0	5.0	**6.2**	
5	1100600087	Nguyễn Văn	**Hiệp**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
6	1100600112	Đoàn Thị Kim	**Hương**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
7	1100600193	Phan Thị Kim	**Mi**	7.0	7.0	0.0	0.0	**3.5**	
8	1100600248	Trương Hoài	**Phú**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
9	1100600288	Lương Thị Thanh	**Tâm**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
10	1100600334	Trần Thị Thanh	**Thúy**	7.0	7.0	0.0	0.0	**3.5**	
11	1000600419	Phạm Thị Minh	**Thư**	5.0	7.0	3.0	5.0	**5.7**	
12	1000600456	Trần Minh	**Trí**	7.0	7.0	0.0	5.0	**6.0**	
13	1100600364	Đỗ Trọng Phương	**Trinh**	7.0	7.0	0.0		**3.5**	
14	1100600390	Phan Công	**Tùng**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	

In Ngày 06/05/13

Tp. HCM, Ngày 06 tháng 05 năm 2013
Người lập biểu

Ghi chú: Điểm hệ số 1: Điểm chuyên cần; Điểm hệ số 2: Kiểm tra giữa kỳ; Thi L1: Điểm thi lần 1

Trường Đại Học Mở TP.HCM
Ban Trung Cấp Chuyên Nghiệp

Bảng Điểm Môn Học

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn học: Thuế (FINA2305T)

Lớp: QT11C3

STT	Mã SV	Họ và Tên		Điểm hệ số 1	Điểm hệ số 2	Thi L1	Thi L2	Điểm T.Kết	Ghi chú
				1	2				
1	1100600007	Huỳnh Thị Lan	**Anh**	10.0	6.0	1.0	0.0	**4.2**	
2	1100600008	Nguyễn Tuấn	**Anh**	9.0	7.0	0.0		**3.9**	
3	1100600021	Nguyễn Đăng	**Cẩn**	8.0	2.0	1.0	0.0	**2.5**	
4	1100600022	Nguyễn Minh	**Châu**	10.0	6.0	1.0	4.0	**5.7**	
5	1100600026	Nguyễn Thị Mỹ	**Chi**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
6	1100600029	Phạm Ngọc	**Chiến**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
7	1100600059	Nguyễn Trường	**Giang**	8.0	2.0	2.0	0.0	**3.0**	
8	1100600064	Trương Thị Thu	**Hà**	7.0	8.0	2.0	4.0	**5.9**	
9	1100600079	Phạm Trung	**Hậu**	8.0	2.0	0.0	1.0	**2.5**	
10	1100600083	Dương Thanh	**Hiền**	9.0	7.0	1.0	1.0	**4.4**	
11	1100600087	Nguyễn Văn	**Hiệp**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
12	1000600120	Đỗ Thị	**Hiếu**	8.0	8.0	0.0	4.0	**6.0**	
13	1100600089	Hồ Trung	**Hiếu**	8.0	4.0	0.0	0.0	**2.7**	
14	1100600090	Lê Chí	**Hiếu**	7.0	3.0	1.0	2.0	**3.2**	
15	1100600095	Hoàng Đình	**Hòa**	7.0	3.0	5.0	5.0	**4.7**	
16	1100600099	Phạm Huy	**Hoàng**	9.0	5.0	2.0	5.0	**5.7**	
17	1000600136	Nguyễn Thị Bích	**Hồng**	8.0	6.0	3.0	0.0	**4.9**	
18	1000600143	Nguyễn Phạm	**Hùng**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
19	1100600112	Đoàn Thị Kim	**Hương**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
20	1100600137	Nguyễn Văn	**Khánh**	10.0	6.0	2.0	4.0	**5.7**	
21	1100600143	Đào Trung	**Kiên**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
22	1100600154	Võ Ngọc	**Lâm**	9.0	3.0	1.0	0.0	**3.0**	
23	1100600160	Nguyễn Chí	**Liêm**	0.0	0.0	1.0	0.0	**0.5**	
24	1100600185	Lê Văn	**Lương**	6.0	6.0	2.0	2.0	**4.0**	
25	1100600193	Phan Thị Kim	**Mi**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
26	1100600200	Trần Thanh	**Minh**	9.0	3.0	3.0	6.0	**5.5**	
27	1100600226	Nguyễn Thị Như	**Nguyệt**	10.0	6.0	0.0	3.0	**5.2**	
28	1100600248	Trương Hoài	**Phú**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
29	1100600271	Trương Văn	**Quang**	9.0	5.0	3.0	3.0	**4.7**	
30	1100600263	Huỳnh Tấn	**Quân**	5.0	1.0	1.0	0.0	**1.7**	
31	1000600613	Lê Phi Bảo	**Quốc**	0.0	0.0	7.0	0.0	**3.5**	
32	1100600275	Nguyễn Quốc	**Quyền**	6.0	2.0	0.0	0.0	**1.7**	
33	1100600288	Lương Thị Thanh	**Tâm**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
34	1100600292	Lý Hải Hồng	**Tân**	10.0	6.0	2.0	0.0	**4.7**	
35	1100600295	Trần Quốc	**Thái**	0.0	0.0	2.0	0.0	**1.0**	
36	1000600625	Nguyễn Thị Thu	**Thảo**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
37	1100600320	Huỳnh Văn	**Thịnh**	6.0	2.0	0.0	0.0	**1.7**	
38	1100600326	Nguyễn Hữu	**Thông**	0.0	0.0	1.0	2.0	**1.0**	
39	1100600334	Trần Thị Thanh	**Thúy**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
40	1000600419	Phạm Thị Minh	**Thư**	6.0	6.0	1.0	0.0	**3.5**	

Ghi chú: Điểm hệ số 1: Điểm chuyên cần; Điểm hệ số 2: Kiểm tra giữa kỳ; Thi L1: Điểm thi lần 1

Bảng Điểm Môn Học

Môn học: Thuế (FINA2305T)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Điểm hệ số 1	Điểm hệ số 2	Thi L1	Thi L2	Điểm T.Kết	Ghi chú
				1	2				
41	1100600338	Lê Hùng	**Tiến**	0.0	0.0	1.0	0.0	**0.5**	
42	1100600340	Phạm Ngọc	**Tiến**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
43	1100600347	Mạc Thanh	**Trâm**	10.0	8.0	1.0	4.0	**6.4**	
44	1100600364	Đỗ Trọng Phương	**Trinh**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
45	1100600378	Bùi Duy	**Trường**	0.0	0.0	1.0	0.0	**0.5**	
46	1100600390	Phan Công	**Tùng**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
47	1000600509	Nguyễn Văn	**Việt**	7.0	7.0	0.0	0.0	**3.5**	
48	1100600400	Trần Đặng Quang	**Vinh**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
49	1100600406	Trần Văn	**Vui**	9.0	7.0	0.0	5.0	**6.4**	
50	1100600413	Nguyễn Hồng Phi	**Yến**	6.0	5.0	2.0	5.0	**5.2**	

In Ngày 06/05/13

Tp. HCM, Ngày 06 tháng 05 năm 2013
Người lập biểu

Ghi chú: Điểm hệ số 1: Điểm chuyên cần; Điểm hệ số 2: Kiểm tra giữa kỳ; Thi L1: Điểm thi lần 1

Trường Đại Học Mở TP.HCM
Ban Trung Cấp Chuyên Nghiệp

Bảng Điểm Môn Học

Học Kỳ 1 - Năm Học 12-13

Môn học: Ngoại ngữ 2 (Anh văn) (GENG1405T)

Lớp: QT11C3

STT	Mã SV	Họ và Tên		Điểm hệ số 1	Điểm hệ số 2	Thi L1	Thi L2	Điểm T.Kết	Ghi chú
				1	2				
1	1100600008	Nguyễn Tuấn	**Anh**	10.0	0.0	0.0		**1.7**	
2	1000200028	Nguyễn Thị Kim	**Chi**	8.0	0.0	0.0	0.0	**1.4**	
3	1100600026	Nguyễn Thị Mỹ	**Chi**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
4	1000600061	Trần Ngọc	**Duy**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
5	1100600079	Phạm Trung	**Hậu**	9.0	8.0	0.0	4.0	**6.2**	
6	1100600087	Nguyễn Văn	**Hiệp**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
7	1100600090	Lê Chí	**Hiếu**	9.0	0.0	4.0	4.0	**3.5**	
8	1000600143	Nguyễn Phạm	**Hùng**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
9	1100600112	Đoàn Thị Kim	**Hương**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
10	1100600160	Nguyễn Chí	**Liêm**	6.0	0.0	0.0	0.0	**1.0**	
11	1100600193	Phan Thị Kim	**Mi**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
12	1100600248	Trương Hoài	**Phú**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
13	1100600288	Lương Thị Thanh	**Tâm**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
14	1100600334	Trần Thị Thanh	**Thúy**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
15	1000600419	Phạm Thị Minh	**Thư**	7.0	0.0	6.0	5.0	**4.2**	
16	1100600338	Lê Hùng	**Tiến**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
17	1100600340	Phạm Ngọc	**Tiến**	0.0	0.0	0.0	0.0	**0.0**	
18	1100600364	Đỗ Trọng Phương	**Trinh**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
19	1100600390	Phan Công	**Tùng**	0.0	0.0	0.0		**0.0**	
20	1000600509	Nguyễn Văn	**Việt**	0.0	7.0	0.0	0.0	**2.4**	

In Ngày 06/05/13

Tp. HCM, Ngày 06 tháng 05 năm 2013
Người lập biểu

Ghi chú: Điểm hệ số 1: Điểm chuyên cần; Điểm hệ số 2: Kiểm tra giữa kỳ; Thi L1: Điểm thi lần 1